

Bản án số 77/2025/DS-PT

Ngày 06/5/2025

V/v tranh chấp thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quế.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Giang và bà Nguyễn Thị Thuỷ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Văn Chiến - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 và ngày 06 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 237/2024/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 47/QĐPT-DS ngày 11 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Quang R, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Tổ I, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, Luật sư, thuộc Văn phòng L - Đoàn Luật sư tỉnh T;

Địa chỉ: Số nhà E, tổ F, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (Văn bản uỷ quyền ngày 23/02/2023, bà T có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Phùng Đức T1, Luật sư thuộc Văn phòng L - Đoàn Luật sư tỉnh T (ông T1 có mặt).

2. Bị đơn: Bà Dương Thị Đ, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp Pháp lý Nhà nước tỉnh T (bà D có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị V, sinh năm 1945;

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường M, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

- 3.2. Bà Lê Thị M, sinh năm 1950;
Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).
- 3.3. Ông Lê Mạnh H, sinh năm 1956;
Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin vắng mặt tại các phiên toà).
- 3.4. Ông Lê Văn P, sinh năm 1958;
Địa chỉ: Tổ dân phố số D, phường T, quận H, thành phố Hà Nội (có mặt).
- 3.5. Ông Lê Văn B, sinh năm 1960;
Địa chỉ: Tổ B, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).
- 3.6. Chị Lê Thị T2, sinh năm 1972;
Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin vắng mặt).
- 3.7. Anh Lê Hằng T3, sinh năm 1977;
Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin vắng mặt).
- 3.8. Chị Lê Thị T4, sinh năm 1979;
Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).
- 3.9. Anh Lê Hồng T5, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Tổ H, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- 3.10. Chị Lê Thị T6, sinh năm 1988;
Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin vắng mặt).
- 3.11. Chị Lê Thị T7, sinh năm 1984;
Địa chỉ: Xóm D, phường H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).
- 3.12. Chị Lê Thị T8, sinh năm 1974;
Địa chỉ: Phường V, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).
Người đại diện theo uỷ quyền của bà Lê Thị V, bà Lê Thị M, ông Lê Văn P và ông Lê Văn B):
Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Đức H1, Luật sư thuộc Văn phòng L - Đoàn Luật sư tỉnh T.
Địa chỉ: Số nhà E, tổ F, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (Văn bản uỷ quyền ngày 23/02/2023 bà T và ông H1 đều có mặt).
- 3.13. UBND thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Duy N, Chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.
Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Tạ Việt D1, Chức vụ: Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố S (văn bản uỷ quyền số 16/NNMT ngày 06/3/2025, ông D1 có đơn xin vắng mặt).

3.14. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Trung K - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố S.

- Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thảo N1, Cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (Giấy uỷ quyền số 930A/GUQ - TTPTQĐ ngày 22/7/2024, bà N1 có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Lê Quang R và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Cụ Lê Văn V1 (sinh năm 1912, chết năm 1968) và cụ Ngô Thị N2 (sinh năm 1914, chết năm 2008) hai cụ sinh được 07 người con chung gồm:

- Ông Lê Hồng Đ1 (sinh năm 1942, chết năm 2009);
- Bà Lê Thị V, sinh năm 1945;
- Bà Lê Thị M, sinh năm 1950;
- Ông Lê Quang R, sinh năm 1952;
- Ông Lê Mạnh H, sinh năm 1956;
- Ông Lê Văn P, sinh năm 1958;
- Ông Lê Văn B, sinh năm 1960;

Ngoài bảy người con chung thì cụ V1 và cụ N2 không có con nuôi, con riêng nào khác.

Ông Lê Hồng Đ1 kết hôn với bà Dương Thị Đ và sinh được 07 người con chung gồm:

- Chị Lê Thị T2, sinh năm 1972;
- Chị Lê Thị T8, sinh năm 1974;
- Anh Lê Hằng T3, sinh năm 1977;
- Chị Lê Thị T4, sinh năm 1979;
- Anh Lê Hồng T5, sinh năm 1982;
- Chị Lê Thị T7, sinh năm 1983;
- Chị Lê Thị T6, sinh năm 1985;

Cụ V1 và cụ N2 chết không để lại di chúc. Di sản của cụ V1, cụ N2 để lại là quyền sử dụng thửa đất số 66 diện tích 4.564m² (trong đó: 400m² đất thổ cư, 4.164m² đất trồng cây lâu năm) thuộc tờ bản đồ 74 - III phường T (nay là phường P). Cụ V1 và cụ N2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi cụ V1, cụ N2 còn sống, trên đất có 01 ngôi nhà ở, 01 ngôi nhà bếp và công trình phụ, những tài sản này hiện nay không còn nữa, do đã cũ hỏng. Hiện nay trên đất có nhà ở, công trình phụ và một số cây ăn quả do vợ chồng ông Đ1, bà Đ xây dựng và trồng. Năm 1971 ông Đ1 kết hôn với bà Đ, vợ chồng ông Đ1 khai phá khu đất bên cạnh thửa đất trên của cụ V1, cụ N2 và làm nhà ở riêng. Sau khi cụ V1 chết, ông B vào Ngành Công an thì vợ chồng ông Đ1 chuyển vào ở chung với cụ N2 từ đó.

Do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu đô thị S - Khu A, khi đó anh chị em trong gia đình ông mới biết thửa đất số 66, tờ bản đồ 74 - III đã được UBND thị xã S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/02/1991 mang tên bà Lê Hồng Đ1. Việc UBND thị xã S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 66 cho ông Đ1 là không đúng quy định của pháp luật. Ông Đ1 đã tự ý kê khai đăng ký, ông và các anh, chị em trong gia đình đều không được biết. Thời điểm cụ N2 còn sống, cụ N2 cũng chưa bao giờ nói tặng cho vợ chồng ông Đ1 thửa đất này. Năm 2016 bà Đ tặng cho con gái là Lê Thị T4 375m² đất (gồm 50m² đất ở và 325m² đất cây lâu năm) của thửa đất số 66. Năm 2018 tặng cho con gái là Lê Thị T6 390m² đất (gồm 50m² đất ở và 340m² đất cây lâu năm) của thửa đất số 66. Anh chị em trong gia đình đã tổ chức họp tại nhà bà Đ để bàn việc sử dụng một phần di sản của bố mẹ để xây dựng nơi thờ tự, cúng giỗ tổ tiên thì bà Đ phản đối, không nhất trí đuổi các em ra khỏi nhà.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Xác định quyền sử dụng thửa đất số 66, diện tích 4.564m², tờ bản đồ số 74 - III phường T (nay là phường P), thành phố S là di sản thừa kế của cụ Lê Văn V1 và cụ Ngô Thị N2 và chia di sản thừa kế quyền sử dụng thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã S cấp ngày 11/02/1991 mang tên bà Lê Hồng Đ1 và hủy đăng ký thừa kế sang tên bà Dương Thị Đ ngày 17/5/2018.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho chị Lê Thị T4 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho chị Lê Thị T6.

- Về tài sản trên đất, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 05/8/2024, ông R có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông R rút các yêu cầu khởi kiện sau:

- + Không đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã S cấp ngày 11/02/1991 mang tên bà Lê Hồng Đ1 và không yêu cầu hủy đăng ký thừa kế sang tên bà Dương Thị Đ ngày 17/5/2018.

- + Không đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất đã cấp Giấy chứng nhận cho chị Lê Thị T4, chị Lê Thị T6 và không hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho chị T4, chị T6.

Nay ông R đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất đối với diện tích đất do cụ V1, cụ N2 để lại hiện bà Đ đang quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật, ông R đề nghị được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật, không nhận bằng giá trị tiền.

Bị đơn bà Dương Thị Đ và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Về quan hệ gia đình và quan hệ huyết thống cũng như thời điểm bố, mẹ chồng bà Đ là cụ V1, cụ N2 chết như nguyên đơn trình bày nêu trên là đúng. Năm 1970, bà Đ kết hôn với ông Lê Hồng Đ1 (ông Đ1 chết năm 2009) là con cụ V1, cụ N2, thời điểm này cụ V1 đã chết. Sau khi kết hôn vợ chồng bà Đ ở

cùng cụ N2 cho đến khi cụ N2 chết năm 2008. Nguồn gốc thửa đất số 66 trước đây là bãi đất hoang. Sau khi kết hôn vợ chồng bà Đ đã khai phá, cải tạo được như hiện nay. Năm 1991, vợ chồng bà Đ đã làm thủ kê khai để cấp quyền sử dụng đất đối với toàn bộ đất của gia đình. Ngày 11/02/1991, gia đình ông Đ1 đã được UBND thị xã S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bao gồm đất thổ cư, đất cây lâu năm, đất lúa, trong đó có thửa đất số 66 có tranh chấp nêu trên. Gia đình bà Đ đã canh tác, sử dụng thửa đất số 66 ổn định từ năm 1991 cho đến nay, không có tranh chấp với ai và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước.

Năm 2016, 2018 bà Đ đã tặng cho 02 người con là chị Lê Thị T4 và chị Lê Thị T6 mỗi người một diện tích đất của thửa đất số 66. Hiện chị T4 và chị T6 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được tặng cho này theo quy định. Diện tích đất còn lại của thửa đất số 66 bà Đ đang quản lý, sử dụng. Bà Đ xác định thửa đất số 66 không phải có nguồn gốc là của cụ N2, cụ V1 khai phá, do đó bà Đường không nhất trí yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông R. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Lê Mạnh H trình bày: Ông là con của cụ V1 và cụ N2. Về quan hệ gia đình, mối quan hệ huyết thống trong gia đình, thời điểm cụ V1, cụ N2 chết và di sản thừa kế cụ V1, cụ N2 để lại như nguyên đơn ông Lê Quang R trình bày là đúng. Việc ông R khởi kiện chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 66 ông nhất trí yêu cầu khởi kiện trên của ông R, tuy nhiên ông từ chối nhận kỷ phần thừa kế của bố mẹ để lại và nhường kỷ phần này cho ông Lê Quang R.

- Bà Lê Thị V, bà Lê Thị M, ông Lê Văn P, ông Lê Văn B đều thống nhất trình bày: Các ông, bà đều là con của cụ V1 và cụ N2. Về quan hệ gia đình, mối quan hệ huyết thống trong gia đình, thời điểm cụ V1, cụ N2 chết và di sản thừa kế các cụ để lại như trình bày của ông R là đúng. Nay các bà và các ông đều nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông R. Tuy nhiên ông B và bà M từ chối nhận kỷ phần thừa kế của bố mẹ để lại và nhường kỷ phần của mình cho ông Lê Văn P. Bà V, ông H từ chối nhận kỷ phần thừa kế của bố mẹ để lại và nhường kỷ phần của mình cho ông Lê Quang R.

- Chị Lê Thị T2 trình bày: Chị là con của ông Đ1 và bà Đ, thửa đất số 66 có nguồn gốc do bố, mẹ để chị khai phá và canh tác, sử dụng ổn định từ nhiều năm nay, thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bố, mẹ chị theo quy định pháp luật. Nay chị không nhất trí yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông R, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Anh Lê Hằng T3, chị Lê Thị T4, anh Lê Văn T9, chị Lê Thị T6 và chị Lê Thị T7 (Là con ông Đ1 và bà Đ) đều không đến Tòa án nên không có lời khai.

- UBND thành phố Sông Công trình bày: Bản đồ địa chính có từ những năm 1986 - 1987. Căn cứ vào đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 15/5/1989

của ông Lê Hồng Đ1 đã được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã duyệt, UBND thị xã S đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 66 - tờ bản đồ 74 - III, diện tích 4.564m² phường P cho ông (Bà) Lê Hồng Đ1. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho ông (bà) Lê Hồng Đ1 được hiện theo quy định tại thời điểm cấp giấy chứng nhận. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố S: Thực hiện dự án khu đô thị S - Khu A, thành phố S (đợt 3), UBND thành phố S đã có quyết định thu hồi 3.792,1m² đất của thửa số 66 - tờ bản đồ 74 - III, phường P của bà Dương Thị Đ (không thu hồi phần diện tích đất đã tặng cho chị Lê Thị T4 và chị Lê Thị T6) và phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi nêu trên. Tuy nhiên, cho đến nay, chủ đầu tư dự án (Công ty Cổ phần H2) chưa chuyển kinh phí chi trả bồi thường theo quyết định đã được phê duyệt, nên Trung tâm chưa thực hiện việc chi trả tiền bồi thường cho hộ bà Đ. Nay đang có tranh chấp về di sản thừa kế là quyền sử dụng thửa đất nêu trên, đề nghị Tòa án phân chia diện tích đất đã bị thu hồi theo quy định của pháp luật (không chia bằng giá trị tiền).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các đương sự nhưng bà Đ và các người con của bà Đường K1 đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến gì. Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành hòa giải được, vụ án được đưa ra xét xử công khai theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lê Quang R, chia thừa kế theo pháp luật phần diện tích đất còn lại của thửa số 66 (sau khi trừ đi phần diện tích đất bà Đ đã tặng cho cho chị Lê Thị T4 và chị Lê Thị T6) theo quy định của pháp luật.

Với nội dung nêu trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

1. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu sau đây của ông Lê Quang R:

- Không yêu cầu Tòa án Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A221767 do UBND thị xã S cấp ngày 11/02/1991 mang tên “bà” Lê Hồng Đ1 và hủy đăng ký thừa kế sang tên bà Dương Thị Đ ngày 17/5/2018 (ghi trong giấy CNQSD đất số A221767).

- Không đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất phần diện tích đất đã cấp Giấy chứng nhận cho bà Lê Thị T4, bà Lê Thị T6 và không đề nghị hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà T4 và bà T6 (Theo đăng ký biến động ghi trong giấy CNQSD đất số A221767).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang R về việc chia di sản thừa kế do cụ Ngô Thị N2 để lại theo pháp luật.

3. Xác nhận diện tích đất 2.282m² (Trong đó 200m² đất thổ cư và 2.082m² đất CLN) thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ 74 - III phường P, thành phố S đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/02/1991 mang tên “Bà” Lê Hồng Đ1) là di sản thừa kế của cụ Ngô Thị N2.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị V, ông Lê Mạnh H nhường kỹ phần thừa kế được hưởng cho ông Lê Quang R, ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị M, ông Lê Văn B nhường kỹ phần thừa kế được hưởng cho ông Lê Văn P.

5. Công nhận bà Lê Thị Đường Đ2 quyền sử dụng diện tích đất 1.517m² thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ 74 - III phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

- Chia cho bà Lê Thị Đường Đ2 quyền sử dụng diện tích 582m² đất thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ 74 - III, phường P. Tổng cộng bà Đ được quyền sử dụng diện tích 2.099m², thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ 74 - III, phường P (Trong đó 150m² đất thổ cư và 1.949m² đất CLN), vị trí thửa đất (**phần 2**) theo các điểm trên sơ đồ là 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 16, 15, 17, 18, 19, 20, 21, 2.

- Chia cho ông Lê Quang R được quyền sử dụng diện tích 850m² đất thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ 74 - III, phường P (Trong đó có 75m² đất thổ cư và 775m² đất cây lâu năm), vị trí thửa đất (**phần 3**) theo các điểm trên sơ đồ là 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 9.

- Chia cho ông Lê Văn P được quyền sử dụng diện tích 850m² đất thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ 74 - III, phường P (Trong đó có 75m² đất thổ cư và 775m² đất cây lâu năm), vị trí thửa đất (**phần 1**) theo các điểm trên sơ đồ là 1, 2, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 1 (có sơ đồ phân chia thửa đất số 66, tờ bản đồ 74 - III phường P, thành phố S kèm theo bản án).

- Buộc bà Dương Thị Đ phải có trách nhiệm thu hoạch, di dời toàn bộ cây trồng trên đất để trả lại mặt bằng các diện tích đất nêu trên cho ông Lê Quang R và ông Lê Văn P quản lý, sử dụng.

6. Buộc bà Dương Thị Đ phải có trách nhiệm nộp bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A221767 do UBND thị xã S cấp ngày 11/02/1991 mang tên “bà” Lê Hồng Đ1 cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S, tỉnh Thái Nguyên để làm thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để liên hệ làm thủ tục xác lập quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được phân chia nêu trên theo quy định của pháp luật đất đai.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/11/2024, bà Đ có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của ông R, huỷ bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên toà phúc thẩm, bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết của đại diện Viện kiểm sát: Việc cấp sơ thẩm xác định hết thời hiệu chia di sản thừa kế của cụ V1 là không đúng, tuy nhiên người khởi kiện và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ V1 và cụ N2 đều thể hiện quan điểm để cho bà Đ được toàn quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ di sản của cụ V1 và cụ N2 thì đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt, một số thì đã có uỷ quyền. Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Xét kháng cáo của bà Đ thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa thiếu người tham gia tố tụng là chị **Lê Thị T8** con gái của bà Dương Thị Đ vào tham gia tố tụng, mặc dù trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã liệt kê người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tên chị Lê Thị T8, mặt khác trong hồ sơ các tài liệu cũng thể hiện chị T8 là con của bà Đ. Như vậy cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đáng lẽ huỷ bản án sơ thẩm, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện tại biên bản họp gia đình của bà Đ thì các con của bà Đ đều nhất trí nhường kỷ phần thừa kế của ông Đ1 cho bà Đ toàn quyền sử dụng, tặng cho, chuyển nhượng. Như vậy dù đưa thiếu người tham gia tố tụng là chị T8 con gái của bà Đ vào tham gia tố tụng cũng không ảnh hưởng đến việc giải quyết nội dung của vụ án, do vậy không cần thiết phải huỷ bản án sơ thẩm, tuy nhiên cấp sơ thẩm cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Cụ V1 chết năm 1968, cụ N2 chết năm 2008. Ngày 15/02/2023, ông Lê Quang R là con cụ V1, cụ N2 khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm xác định $\frac{1}{2}$ di sản của cụ V1 để lại đã hết thời hiệu khởi kiện là sai. Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn vào ngày 15/02/2023, thì chưa hết thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế phần của cụ V1, vì thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn được cộng thêm 02 năm 06 tháng. Như vậy đến ngày 10/3/2023 mới hết thời hiệu khởi kiện chia di sản của cụ V1. Tòa án cấp sơ thẩm công nhận cho bà Đ được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ di sản của cụ V1 và chỉ chia $\frac{1}{2}$ di sản của cụ N2 cho bà Đ là không đúng, ảnh hưởng đến các hàng thừa kế thứ nhất của cụ V1 và cụ N2, tuy nhiên tại cấp phúc

thẩm người khởi kiện cũng như những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là hàng thừa kế thứ nhất của cụ V1 và cụ N2 đều thể hiện quan điểm chỉ lấy một phần di sản của bố mẹ làm nơi thờ tự còn $\frac{1}{2}$ di sản của cụ V1 và cụ N2 thì cho bà Đ và các con của bà Đ quản lý, sử dụng. Đây là sự tự nguyện của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện đó.

[4]. Về di sản thừa kế: Hàng thừa kế thứ nhất chỉ yêu cầu bà Đ phải chia di sản thừa kế là thửa đất số 66, tờ bản đồ 74 - III, diện tích 4.564m², (trong đó có 400m² đất thổ cư và 4.164m² đất cây lâu năm), đã được UBND thị xã S (nay là thành phố S) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/02/1991 cho bà Lê Hồng Đ1 có nguồn gốc là do cụ V1, cụ N2 (là bố mẹ đẻ ông Đ1, ông R) khai phá, sử dụng từ năm 1949. Do ở chung với cụ N2, nên ông Đ1 đã tự ý kê khai cấp quyền sử dụng thửa đất số 66 nêu trên thể hiện tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất do ông Lê Hồng Đ1 viết ngày 15/5/1989 phần ghi nguồn gốc đất do cha mẹ để lại. Mặt khác tại biên bản xác minh ngày 05/7/2024, chính quyền địa phương cũng xác định thửa đất số 66, tờ bản đồ 74 - III phường Phố Cò có nguồn gốc do cụ V1 và cụ N2 khai phá, sử dụng, vợ chồng bà Đ chỉ là người có công quản lý, giữ gìn thửa đất này. Do đó, việc ông Đ1 kê khai cấp quyền sử dụng đất và đứng tên ông Đ1 đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ 74 - III phường Phố Cò là chưa đúng quy định của pháp luật. Phía bà Đ cho rằng thửa đất trên do vợ chồng bà tự khai phá, không phải có nguồn gốc của cụ N2, cụ V1 khai phá là không có căn cứ.

[5]. Xét vợ chồng ông Đ1, bà Đ có công sức quản lý, giữ gìn tôn tạo di sản thừa kế nêu trên đã nhiều năm, do đó nguyên đơn và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất đã tự nguyện cho bà Đ và các con của bà Đ $\frac{1}{2}$ di sản của cụ V1, cụ N2 để lại trong thửa đất số 66 là bà Đ đã quá lợi về di sản.

[6]. Về việc giao tài sản: Đối với bà Lê Thị V, bà Lê Thị M, ông Lê Mạnh H, ông Lê Văn B là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và được chia tài sản thừa kế theo quy định, tuy nhiên, các đương sự này có đơn xin từ chối nhận di sản và nhường kỷ phần của mình cho các đồng thừa kế khác là ông Lê Quang R, ông Lê Văn P. Toà án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện này của các đương sự là đúng.

[7]. Đối với diện tích đất của thửa đất số 66, tờ bản đồ 74 - III được phân chia như trên, hiện nay nhà nước đã có quyết định thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường. Tuy nhiên cho đến nay chủ đầu tư dự án chưa chuyển kinh phí bồi thường nên Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố S đề nghị Toà án chia di sản thừa kế bằng hiện vật, không chia bằng tiền là có căn cứ.

[8]. Tại phiên toà phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ V1 và cụ N2 cho bà Đ sử dụng $\frac{1}{2}$ di sản của cụ V1, cụ N2 đối với thửa đất số 66 là có căn cứ;

[9]. Tại phiên toà phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của nguyên đơn, huỷ bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án là không có căn cứ như đã phân tích nêu trên.

[10]. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm mà không cần huỷ là phù hợp và có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị Đ, sửa bản án sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên về cách tuyên.

1. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu sau của ông Lê Quang R do đã rút đơn khởi kiện:

- Không yêu cầu Tòa án Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A221767 do UBND thị xã S cấp ngày 11/02/1991 mang tên “bà” Lê Hồng Đ1. Không yêu cầu hủy đăng ký thừa kế sang tên bà Dương Thị Đ ngày 17/5/2018 (ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A221767).

- Không yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất đã cấp Giấy chứng nhận cho chị Lê Thị T4, chị Lê Thị T6 và không đề nghị hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho chị T4 và chị T6 (theo đăng ký biến động ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A221767).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang R về việc chia di sản thừa kế do cụ Lê Văn V1 và cụ Ngô Thị N2 để lại theo pháp luật.

3. Di sản của cụ V1 và cụ N2 là diện tích đất 4.564m² (trong đó 400m² đất thổ cư và 4.164m² đất cây lâu năm) thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ 74 - III phường P, thành phố S, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/02/1991 mang tên “Bà” Lê Hồng Đ1.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Quang R, bà Lê Thị V, ông Lê Mạnh H, bà Lê Thị M, ông Lê Văn B, ông Lê Văn P cho bà Dương Thị Đ được quản lý, sử dụng $\frac{1}{2}$ di sản của cụ V1 và cụ N2.

Bà Dương Thị Đ được quyền quản lý, sử dụng diện tích 2.099m², thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ 74 - III, phường P (trong đó có 150m² đất thổ cư và 1.949m² đất cây lâu năm), vị trí thửa đất (**phần 2**) theo các điểm trên sơ đồ là 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 16, 15, 17, 18, 19, 20, 21, 2.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị V, ông Lê Mạnh H nhường kỹ phần thừa kế được hưởng cho ông Lê Quang R. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị M, ông Lê Văn B nhường kỹ phần thừa kế được hưởng cho ông Lê Văn P.

- Ông Lê Quang R được quyền quản lý, sử dụng diện tích 850m² đất thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ 74 - III, phường P (trong đó có 75m² đất thổ cư và 775m² đất cây lâu năm), vị trí thửa đất (**phần 3**) theo các điểm trên sơ đồ là 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 9.

- Ông Lê Văn P được quyền quản lý, sử dụng diện tích 850m² đất thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ 74 - III, phường P (trong đó có 75m² đất thổ cư và 775m² đất cây lâu năm), vị trí thửa đất (**phần 1**) theo các điểm trên sơ đồ là 1, 2, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 1 (có sơ đồ phân chia thửa đất số 66 kèm theo bản án).

Buộc bà Dương Thị Đ phải có trách nhiệm thu hoạch, di dời toàn bộ cây trồng trên đất để trả lại mặt bằng các diện tích đất nêu trên cho ông Lê Quang R và ông Lê Văn P quản lý, sử dụng.

6. Buộc bà Dương Thị Đ phải có trách nhiệm nộp bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A221767 do UBND thị xã S cấp ngày 11/02/1991 mang tên “bà” Lê Hồng Đ1 cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S, tỉnh Thái Nguyên để làm thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Bà Đ, ông R, ông P có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được hưởng nêu trên theo quy định của pháp luật.

7. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Quang R, bà Dương Thị Đ và ông Lê Văn P do là người cao tuổi. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Dương Thị Đ do là người cao tuổi.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Sông Công;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THA dân sự TP Sông Công;
- UBND phường Phố Cò;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ: Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Quế

